

Số: /2015/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2015

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Về chính sách hỗ
trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015
(Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định
số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)**

*Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn
nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo
Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)*

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản;

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết
định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ
về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-
2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số
167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc xác định đối tượng, điều kiện, phương
thức hỗ trợ và việc tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo
tại khu vực nông thôn hoặc các hộ nghèo đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản,
ấp, phum sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn; xã trực thuộc thị xã,
thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở (bao gồm xây dựng mới
hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở) theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-
TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đến từng hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo đúng đối tượng quy định, đảm bảo diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

2. Việc hỗ trợ phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước.

3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở phải phù hợp với điều kiện thực tiễn, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc; gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

4. Thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia để xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng quy định; kết hợp lồng ghép các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả của chính sách.

5. Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có. Chỉ thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở đối với các hộ gia đình thuộc diện đối tượng đã có đất để làm nhà ở. Đối với các hộ gia đình thuộc diện chưa có đất để làm nhà ở hoặc đã có đất để làm nhà nhưng nằm trong khu vực thường xuyên bị thiên tai, sạt lở đất, không đảm bảo an toàn thì chính quyền địa phương tùy theo khả năng, điều kiện của địa phương bố trí đất ở (phù hợp với quy hoạch) cho các hộ đó trước khi thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở.

Điều 3. Xác định đối tượng được hỗ trợ nhà ở

Đối tượng được hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg phải đảm bảo có đủ các điều kiện sau:

a) Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015), đang cư trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

b) Hộ chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

c) Hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác;

d) Những hộ nghèo đã vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng khác để xây dựng nhà ở từ 01/01/2013 đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành. Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các

chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hoả hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ;

e) Trường hợp những hộ có tên trong danh sách của Đề án được hỗ trợ vay vốn làm nhà ở nhưng trong quá trình thực hiện chính sách đã thoát nghèo, vẫn thuộc đối tượng chính sách.

Điều 4. Trình tự lập và phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở

1. Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo đến các hộ dân; tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở trên cơ sở danh sách hộ nghèo theo chuẩn nghèo (theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015) do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý. Cuộc họp phải có đại diện tối thiểu của 60% số hộ gia đình trong thôn và có sự tham gia của đại diện chính quyền cấp xã, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã (*theo mẫu tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này*).

Việc bình xét theo nguyên tắc dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch. Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín). Các thôn hướng dẫn các hộ dân có tên trong danh sách thuộc đối tượng của chính sách làm đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở (*theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này*).

2. Danh sách các hộ gia đình nghèo đề nghị được hỗ trợ xây dựng nhà ở của thôn được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg và được công khai tại thôn. Đối với những hộ có từ 02 ưu tiên trở lên thì chọn ưu tiên cao hơn. Đối với các hộ gia đình có cùng mức độ ưu tiên thì việc hỗ trợ được thực hiện trước theo thứ tự:

Hộ gia đình chưa có nhà ở (là hộ gia đình chưa có nhà ở riêng, hiện đang ở cùng bố mẹ, ở nhờ nhà của người khác, thuê nhà ở - trừ trường hợp được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước);

Hộ gia đình có đông nhân khẩu và có nhà ở hư hỏng, dột nát (làm bằng các vật liệu rẻ tiền, chất lượng thấp...) có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn;

Hộ gia đình có nhà ở hư hỏng, dột nát (làm bằng các vật liệu rẻ tiền, chất lượng thấp...) có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, rà soát tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân huyện danh sách số lượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở, trong đó thể hiện rõ danh sách những hộ có nhu cầu vay vốn và những hộ không có nhu cầu vay vốn. Trường hợp những hộ thuộc đối tượng của chính sách nhưng không có nhu cầu vay vốn, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách để các hộ ký xác nhận đã được phổ biến nhưng không tham gia chính sách (*theo mẫu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư này*).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phải điều chỉnh danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Sau khi phê duyệt gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Phương thức xây dựng nhà ở

1. Yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng nhà ở

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở điển hình phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương (kèm theo dự toán kinh phí, dự trù vật liệu chủ yếu). Các địa phương tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn. Tôn trọng nguyện vọng của người dân, không bắt buộc các hộ gia đình xây dựng nhà ở theo thiết kế mẫu. Tùy theo điều kiện cụ thể người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng quy định. Ngoài thiết kế mẫu, các địa phương có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp sửa chữa, nâng cấp nhà ở.

b) Nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²).

c) Nhà ở phải đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc. Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền cứng” là nền nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, gạch lát;

- “Khung cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch/đá;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi brô xi măng.

Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương, đảm bảo thời hạn sử dụng. Các địa phương quy định chủng vật liệu địa phương cụ thể (nếu có), báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

2. Tổ chức xây dựng nhà ở

a) Hộ gia đình trong danh sách được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở phải có đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở (*theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này*), đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây dựng nhà ở;

b) Đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức, đoàn thể khác tại địa phương tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này;

c) Các hộ gia đình phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành 30% khối lượng công việc đối với những hộ sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có) hoặc hoàn thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân vốn vay;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở; lập biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (*theo mẫu tại Phụ lục số IV và Phụ lục số V kèm theo Thông tư này*); vận động các tổ chức, đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ gia đình nghèo xây dựng nhà ở; phát huy cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình, tận dụng, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ để giảm giá thành xây dựng nhà ở;

e) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, giám sát để các hộ gia đình sử dụng vốn vay làm nhà ở đúng mục đích, đảm bảo nhà ở phải được xây dựng hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội giúp Thủ tướng Chính phủ tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện theo quy định, giải quyết các vướng mắc theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

b) Các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ căn cứ nội dung của Quyết định 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư này phối hợp với Bộ Xây dựng để triển khai thực hiện những nội dung thuộc chức năng được Chính phủ phân công;

c) Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg, đảm bảo đủ kinh phí cho các hộ dân thuộc đối tượng chính sách vay. Sau khi nhận được biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn xây dựng nhà (*theo mẫu tại Phụ lục số IV*), Ngân hàng Chính sách xã hội làm thủ tục giải ngân vốn vay do hộ nghèo đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định; hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vốn vay đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện và thời gian làm thủ tục giải ngân không quá 03 ngày.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện hoặc giao Ban chỉ đạo về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản cấp tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở trên địa bàn theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg;

b) Tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn và gửi Đề án đã được phê duyệt về Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở trên địa bàn đảm bảo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và có hiệu quả. Ngoài nguồn vốn vay quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg, tùy điều kiện thực tế, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hỗ trợ thêm từ Ngân sách địa phương để nâng cao chất lượng nhà ở của các hộ gia đình;

d) Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cấp chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn, vận động cộng đồng ủng hộ, giúp đỡ hộ nghèo xây dựng nhà ở;

e) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở thuộc diện đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định; có biện pháp phòng ngừa việc chuyển nhượng nhà ở trái quy định;

g) Hàng tháng báo cáo nhanh (*theo Phụ lục số VI kèm theo Thông tư này*) và báo cáo định kỳ mỗi năm một lần (*theo Phụ lục số VII kèm theo Thông tư này*) kết quả thực hiện gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

h) Lập kế hoạch vốn thực hiện chính sách (bao gồm tất cả các nguồn vốn), báo cáo tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân hàng năm gửi về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội để làm căn cứ tổng hợp kế hoạch vốn vay;

i) Chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài của địa phương, pa nô, áp phích, tờ rơi. Tổ chức công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng được thụ hưởng chính sách;

k) Ban hành các quy định hướng dẫn theo nội dung Thông tư này đảm bảo phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương để thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp huyện để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định 33/2015/QĐ-TTg;

b) Tổng hợp phê duyệt theo thẩm quyền danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kiện toàn Ban giảm nghèo cấp xã để thực hiện Chính sách;

b) Xem xét, tổng hợp danh sách hộ gia đình được hỗ trợ vay vốn và có nhu cầu vay vốn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách;

c) Tổ chức nghiệm thu xác nhận khối lượng xây dựng hoàn thành theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ gia đình xây dựng mới hoặc hoàn thành 30% khối lượng công việc xây dựng đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, nâng cấp nhà ở đã có) và xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng để làm cơ sở giải ngân và thanh toán vốn vay theo quy định. Mỗi loại biên bản lập 03 bản: 01 bản chủ hộ giữ, 01 bản gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, 01 bản Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để giải ngân vốn vay, thời gian không được quá 03 ngày;

d) Lập hồ sơ hoàn công cho từng hộ được hỗ trợ vay vốn xây dựng nhà ở bao gồm:

- Trích danh sách có tên hộ nghèo được vay vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở;
- Đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở;
- Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng;
- Các chứng từ vay vốn để làm nhà ở.

5. Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện theo định kỳ và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2015.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để sửa đổi, bổ sung hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, n`thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Website BXD;
- Lưu VT, QLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Hồng Hà